

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện
Taya (Việt Nam)**

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2008**

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thông tin về Công ty

Giấy phép Đầu tư số	414/GP	ngày 7 tháng 9 năm 1992
	414/GPĐC	ngày 14 tháng 2 năm 1995
	414/GPĐC1	ngày 31 tháng 10 năm 1995
	414/GPĐC2	ngày 9 tháng 1 năm 1996
	414/GPĐC3	ngày 30 tháng 7 năm 1997
	414/GPĐC4	ngày 19 tháng 9 năm 1997
	414/CPH/GP	ngày 7 tháng 10 năm 2005
	414/CPH/GCNĐC1-BKH	ngày 25 tháng 10 năm 2006

Do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp

414/GPDC1-BKH-KCN-DN	ngày 16 tháng 5 năm 2003
414/GPDC2-BKH-KCN-DN	ngày 23 tháng 6 năm 2003
414/GPDC3-BKH-KCN-DN	ngày 7 tháng 5 năm 2004
414/GCNDC2/47/2	ngày 6 tháng 9 năm 2007
472033000584	ngày 11 tháng 7 năm 2008
472033000584	ngày 18 tháng 12 năm 2008

Do cấp quản lý Khu Công Nghiệp Tỉnh Đồng Nai cấp

Giấy phép Đầu tư có giá trị trong 50 năm kể từ ngày ghi trên
Giấy phép Đầu tư đầu tiên.

Hội đồng Quản trị	Ông Shen Shang Pang	Chủ tịch
	Ông Shen Shang Tao	Phó Chủ tịch
	Ông Shen Shang Hung	Thành viên
	Ông Shen San Yi	Thành viên
	Ông Wang Yen Huang	Thành viên

Ban Giám đốc	Ông Wang Yen Huang	Tổng Giám đốc
	Ông Chiu Chin Teng	Phó Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Trụ sở đăng ký

Trụ sở chính Khu Công nghiệp Biên Hòa II
 Tỉnh Đồng Nai
 Việt Nam

Chi nhánh Xã Cẩm Điền
 Huyện Cẩm Giàng
 Tỉnh Hải Dương
 Việt Nam

Đơn vị kiểm toán Công ty TNHH KPMG
 Việt Nam

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) (“Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Loại trừ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006, Công ty đã quy đổi các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng Đô la Mỹ sang Đồng Việt Nam sử dụng tỷ giá 16.051 Đồng Việt Nam đổi 1 Đô la Mỹ. Nếu Công ty sử dụng tỷ giá liên ngân hàng để quy đổi các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng Đô la Mỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 thì lợi nhuận sau thuế trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 tăng 2.329.887.000 VNĐ.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề được đề cập ở đoạn trước, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các phương diện trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 08-01-137

Chong Kwang Puay

Chứng chỉ kiểm toán viên số N.0864/KTV

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh,

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2008

	Mã số	Thuyết minh	2008 VND'000	2007 VND'000
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		415.870.230	737.316.213
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	35.113.099	38.983.489
Đầu tư ngắn hạn	120	4	30.720.000	-
Các khoản phải thu	130	5	112.504.681	252.638.976
Phải thu thương mại	131		138.547.183	278.719.436
Trả trước cho người bán	132		196.394	178.362
Phải thu khác	135		124.773	4.542
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(26.363.669)	(26.263.364)
Hàng tồn kho	140	6	236.423.197	440.469.595
Hàng tồn kho	141		368.868.202	446.666.893
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(132.445.005)	(6.197.298)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.109.253	5.224.153
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		441.888	2.951.647
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		342.124	1.168.462
Thuế thu nhập đã nộp	154		271.818	1.103.044
Tài sản ngắn hạn khác	158		53.423	1.000
Tài sản dài hạn	200		244.735.392	264.318.187
Tài sản cố định	220		230.846.852	256.951.547
Tài sản cố định hữu hình	221	7	229.395.251	255.582.846
Nguyên giá	222		418.204.817	414.961.891
Khấu hao lũy kế	223		(188.809.566)	(159.379.045)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	8	1.451.601	1.368.701
Đầu tư dài hạn	250		42.400	42.400
Đầu tư dài hạn khác	258		42.400	42.400
Tài sản dài hạn khác	260		13.846.140	7.324.240
Chi phí trả trước dài hạn	261	9	4.497.198	4.090.816
Tài sản thuế hoãn lại	262	10	9.348.942	3.233.424
TỔNG TÀI SẢN	270		660.605.622	1.001.634.400

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		462.050.307	695.074.274
Nợ ngắn hạn	310		441.272.770	656.585.722
Vay ngắn hạn	311	11	411.025.406	508.144.052
Phải trả thương mại	312	12	9.461.180	122.869.759
Người mua trả tiền trước	313		11.397.922	9.663.337
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	13	3.883.420	6.615.363
Phải trả công nhân viên	315		3.791.913	4.131.945
Chi phí phải trả	316		1.690.855	2.001.003
Phải trả khác	319	14	22.074	3.160.263
Vay và nợ dài hạn	330		20.777.537	38.488.552
Vay dài hạn	334	15	17.316.024	35.915.149
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	16	3.461.513	2.573.403
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		198.555.315	306.560.126
Vốn chủ sở hữu	410		198.555.315	306.560.126
Vốn cổ phần	411	17	279.013.771	265.735.481
Cổ phiếu ngân quỹ	412	17	(272.840)	(272.840)
Quỹ và dự trữ	417	18	21.141.803	19.881.760
(Lỗ lũy kế)/lợi nhuận chưa phân phối	420		(101.327.419)	21.215.725
TỔNG NGUỒN VỐN	440		660.605.622	1.001.634.400

Người lập:

Người duyệt:

Cheng Yu Mei
Kế toán trưởng

Wang Yen Huang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

	Mã số	Thuyết minh	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
Tổng doanh thu	01	19	1.186.256.463	1.377.585.548
Các khoản giảm trừ	02	19	(2.584.926)	(2.365.547)
Doanh thu thuần	10		1.183.671.537	1.375.220.001
Giá vốn hàng bán	11	20	(1.197.613.300)	(1.270.908.267)
(Lỗ)/lợi nhuận gộp	20		(13.941.763)	104.311.734
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	15.412.485	4.469.428
Chi phí hoạt động tài chính	22	22	(75.856.340)	(43.524.073)
Chi phí bán hàng	24		(19.503.583)	(19.883.604)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(24.859.109)	(44.125.096)
(Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		(118.748.310)	1.248.389
Kết quả của các hoạt động khác	40			
Thu nhập khác	31	23	5.820.734	14.380.688
Chi phí khác	32	24	(3.847)	(8.375.458)
(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế	50		(112.931.423)	7.253.619
Chi phí thuế thu nhập – hiện hành	51	25	(1.188.906)	(1.268.760)
Chi phí thuế thu nhập – hoãn lại	52	25	6.115.518	2.415.427
(Lỗ)/lợi nhuận thuần	60		(108.004.811)	8.400.286
(Lỗ)/lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	70	26	(3,872)	0,301

Người lập:

Người duyệt:

Cheng Yu Mei
Kế toán trưởng

Wang Yen Huang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

	Vốn cổ phần VNĐ'000	Cổ phiếu ngân quỹ VNĐ'000	Quỹ và dự trữ VNĐ'000	Lợi nhuận chưa phân phối/ (lỗ lũy kế) VNĐ'000	Tổng VNĐ'000
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2007	241.584.081	(202.040)	15.011.272	42.665.310	299.058.623
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	24.151.400	-	-	(24.151.400)	-
Chuyển sang quỹ dự trữ	-	-	4.870.488	(4.870.488)	-
Lãi thuần trong năm	-	-	-	8.400.286	8.400.286
Cổ phiếu mua lại	-	(70.800)	-	-	(70.800)
Phí Hội đồng Quản trị	-	-	-	(827.983)	(827.983)
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2008	265.735.481	(272.840)	19.881.760	21.215.725	306.560.126
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	13.278.290	-	-	(13.278.290)	-
Chuyển sang quỹ dự trữ	-	-	1.260.043	(1.260.043)	-
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	(108.004.811)	(108.004.811)
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2008	279.013.771	(272.840)	21.141.803	(101.327.419)	198.555.315

Người lập:

Người duyệt:

Cheng Yu Mei
Kế toán trưởng

Wang Yen Huang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

	Mã số	Thuyết minh	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế	01		(112.931.423)	7.253.619
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		37.185.579	31.102.612
Dự phòng	03		127.493.183	11.246.404
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04		11.625.269	(363.240)
Lãi thanh lý tài sản cố định	05		(85.389)	(2.216.212)
Chi phí lãi vay	06		28.637.537	38.807.686
Thu lãi tiền gửi	07		(10.460.920)	(585.117)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		81.463.836	85.245.752
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		143.317.664	(16.194.389)
Biến động hàng tồn kho	10		77.798.691	160.179.798
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		(118.277.586)	1.016.803
Biến động chi phí trả trước	12		(2.771.181)	7.509.314
			181.531.424	237.757.278
Lãi vay đã trả	13		(28.811.318)	(37.507.464)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(357.680)	(1.220.064)
Chi khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	(827.983)
Tiền thuần thu từ hoạt động kinh doanh	20		152.362.426	198.201.767
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(10.020.014)	(50.430.488)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		1.389.318	7.446.080
Đầu tư ngắn hạn	25		(30.720.000)	-
Thu lãi tiền gửi	27		10.460.920	585.117
Tiền thuần chi cho hoạt động đầu tư	30		(28.889.776)	(42.399.291)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Chi mua lại cổ phiếu	32		-	(70.800)
Thu từ các khoản vay	33		964.145.817	1.119.163.631
Hoàn trả các khoản vay	34		(1.091.488.857)	(1.275.188.064)
Tiền thuần chi cho các hoạt động tài chính	40		(127.343.040)	(156.095.233)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(3.870.390)	(292.757)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		38.983.489	39.276.246
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	3	35.113.099	38.983.489

Người lập:

Người duyệt:

Cheng Yu Mei
Kế toán trưởng

Wang Yen Huang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị lập báo cáo

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, bán và phân phối các loại dây điện, cáp, động cơ và máy bơm cho thị trường Việt Nam và nước ngoài.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Vào ngày 16 tháng 5 năm 2003, Công ty đã thành lập chi nhánh, bắt đầu hoạt động vào tháng 1 năm 2005, tại Xã Cẩm Điền, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 414/GPDC1-BKH-ĐN do Ban Quản lý Khu Công nghiệp Đồng Nai cấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 Công ty có 503 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2007: 573 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính, trình bày bằng Đồng Việt Nam làm tròn tới hàng nghìn (“VNĐ’000”), được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán được chấp thuận tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(b) Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Tài sản và công nợ tiền tệ có gốc tiền tệ khác với VNĐ được chuyển đổi sang VNĐ theo tỷ giá qui định tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại tiền khác VNĐ trong năm được chuyển đổi sang VNĐ theo tỷ giá xấp xỉ tỷ giá qui định tại ngày giao dịch. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đã và chưa thực hiện được kết chuyển toàn bộ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(tiếp theo)

(d) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Trụ sở chính áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí tháo dỡ và di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(tiếp theo)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ Nhà xưởng, vật kiến trúc	7 – 35 năm
▪ Máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ Phương tiện vận chuyển	6 năm
▪ Thiết bị văn phòng	5 – 8 năm
▪ Tài sản khác	2 – 7 năm

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Phí hội viên câu lạc bộ golf

Phí hội viên câu lạc bộ golf được hạch toán theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 37 năm đến 40 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ sử dụng trên một năm được ghi nhận như trả trước dài hạn và được phân bổ trong thời gian từ một đến ba năm.

(j) Phải trả thương mại và phải trả khác

Phải trả thương mại và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(k) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận khi, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có một nghĩa vụ pháp lý hoặc liên đới có thể được ước tính một cách tin cậy và tương đối chắc chắn rằng Công ty phải sử dụng các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các luồng tiền dự tính trong tương lai theo lãi suất trước thuế phản ánh được sự đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro gắn liền với khoản nợ phải trả đó.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(tiếp theo)

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp khoản thuế này liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm theo thuế suất được ban hành hoặc cơ bản ban hành vào ngày lập bảng cân đối kế toán và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư trên bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị xác định theo mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán dự kiến đối với giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ hiện thực hóa được.

(m) Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có sự không chắc chắn đáng kể liên quan khả năng thu hồi công nợ hoặc có khả năng hàng bán bị trả lại.

(n) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong năm khi các chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích xây dựng tài sản cố định hữu hình thì khi đó chi phí vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng được vốn hóa như một phần của nguyên giá của tài sản cố định liên quan.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(tiếp theo)

(o) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) đối với cổ phiếu phổ thông của Công ty. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hay lỗ thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền chọn mua cổ phiếu.

(p) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Theo ý kiến Ban giám đốc, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là bán cáp điện và bộ phận địa lý duy nhất là Việt Nam.

(q) Các công ty liên quan

Các công ty liên quan bao gồm công ty mẹ và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và các công ty liên kết của công ty mẹ này.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	2008	2007
	VNĐ'000	VNĐ'000
Tiền mặt	5.821.799	4.148.017
Tiền gửi ngân hàng	18.291.300	34.835.472
Các khoản tương đương tiền	11.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
	35.113.099	38.983.489

Trong tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 có số tiền khác VNĐ tương đương 1.965 triệu VNĐ (2007: 4.129 triệu VNĐ).

4. Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(tiếp theo)

5. Các khoản phải thu

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2008	2007
	VNĐ'000	VNĐ'000
Số dư đầu năm	26.263.364	1.771.914
Tăng dự phòng trong năm	211.275	24.491.450
Hoàn nhập	(110.970)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	26.363.669	26.263.364
	<hr/>	<hr/>

6. Hàng tồn kho

	2008	2007
	VNĐ'000	VNĐ'000
Hàng mua đang đi đường	6.438.274	51.512.531
Nguyên vật liệu	126.036.057	129.825.504
Sản phẩm dở dang	126.118.100	89.389.762
Thành phẩm	110.275.771	175.939.096
	<hr/>	<hr/>
	368.868.202	446.666.893
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(132.445.005)	(6.197.298)
	<hr/>	<hr/>
	236.423.197	440.469.595
	<hr/>	<hr/>

Biến động các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2008	2007
	VNĐ'000	VNĐ'000
Số dư đầu năm	6.197.298	20.359.744
Tăng dự phòng trong năm	126.247.707	-
Hoàn nhập	-	(14.162.446)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	132.445.005	6.197.298
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VNĐ'000	Máy móc và thiết bị VNĐ'000	Phương tiện vận chuyển VNĐ'000	Thiết bị văn phòng VNĐ'000	Tài sản khác VNĐ'000	Tổng VNĐ'000
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	142.916.951	256.685.598	8.184.475	1.844.028	5.330.839	414.961.891
Tăng trong năm	128.422	2.295.567	-	966.185	187.122	3.577.296
Thanh lý	-	(6.604.188)	-	(90.000)	-	(6.694.188)
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	829.212	5.281.209	-	-	249.397	6.359.818
Số dư cuối năm	143.874.585	257.658.186	8.184.475	2.720.213	5.767.358	418.204.817
Khấu hao lũy kế						
Số dư đầu năm	35.333.930	114.652.482	5.170.448	1.544.780	2.677.405	159.379.045
Khấu hao trong năm	7.344.614	25.516.998	1.086.283	226.301	646.584	34.820.780
Thanh lý	-	(5.300.259)	-	(90.000)	-	(5.390.259)
Số dư cuối năm	42.678.544	134.869.221	6.256.731	1.681.081	3.323.989	188.809.566
Giá trị còn lại						
Số dư cuối năm	101.196.041	122.788.965	1.927.744	1.039.132	2.443.369	229.395.251
Số dư đầu năm	107.583.021	142.033.116	3.014.027	299.248	2.653.434	255.582.846

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá 51.114 triệu VNĐ đã khấu hao hết tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 (2007: 40.422 triệu VNĐ) nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ 109.617 triệu VNĐ (2007: 106.724 triệu VNĐ) đã được thế chấp cho ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(tiếp theo)

8. Xây dựng cơ bản dở dang

	2008	2007
	VND'000	VND'000
Số dư đầu năm	1.368.701	14.332.051
Tăng trong năm	6.442.718	322.855
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(6.359.818)	(13.286.205)
	<hr/> 1.451.601	<hr/> 1.368.701

9. Chi phí trả trước dài hạn

	Phí hội viên câu lạc bộ golf VND'000	Công cụ và dụng cụ VND'000	Tổng VND'000
Số dư đầu năm	1.993.395	2.097.421	4.090.816
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	2.001.951	2.001.951
Tăng trong năm	-	769.230	769.230
Phân bổ trong năm	(56.849)	(2.307.950)	(2.364.799)
	<hr/> 1.936.546	<hr/> 2.560.652	<hr/> 4.497.198

10. Tài sản thuế hoãn lại

Tài sản thuế hoãn lại được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	2008	2007
	VND'000	VND'000
Tài sản cố định	62.204	41.469
Dự phòng	8.099.849	2.626.208
Lỗi tính thuế mang sang được ghi nhận	565.747	565.747
Khác	621.142	-
	<hr/> 9.348.942	<hr/> 3.233.424

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
 (tiếp theo)

11. Vay ngắn hạn

	2008	2007
	VNĐ'000	VNĐ'000
Vay ngắn hạn	392.916.434	470.894.413
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 16)	18.108.972	37.249.639
	411.025.406	508.144.052

	Khoản tín dụng	Lãi suất vay trên năm	2008	2007
			VNĐ'000	VNĐ'000
Ngân hàng Chinfon, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	6.000.000 USD	SIBOR + 1,15%	75.583.325	80.646.754
Ngân hàng Chinfon, Chi nhánh Hà Nội (b)	10.000.000 USD	SIBOR + 1,15% hoặc 1,25%	27.257.765	42.413.838
Ngân hàng Thương mại Chinatrust, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b)	6.000.000 USD	SIBOR + 1,15%	50.266.514	27.349.430
Ngân hàng Thương mại Quốc tế Trung Quốc, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b)	3.000.000 USD	SIBOR 6 tháng + 1%	18.347.362	27.755.015
	1.200.000 USD	SIBOR 6 tháng + 1%	-	-
Ngân hàng Indovina, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (c)	3.200.000 USD	SIBOR 6 tháng + 1,15%	23.490.872	28.023.737
Ngân hàng ANZ, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	4.000.000 USD	SIBOR + 1,10%	-	27.972.899
Ngân hàng Far East National, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b)	7.000.000 USD	SIBOR 6 tháng + 1%	49.740.821	58.625.782
Ngân hàng First Commercial Bank, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b)	5.800.000 USD	SIBOR + 1%	42.283.226	46.255.279

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(tiếp theo)

	Khoản tín dụng	Lãi suất vay trên năm	2008 VND'000	2007 VND'000
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam, Chi nhánh Hải Dương (c)	3.700.000 USD	6,3%	48.899.030	57.308.029
Ngân hàng Thương mại Hua Nan, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b)	3.000.000 USD	SIBOR 6 tháng + 1,5%	50.072.957	29.618.841
Ngân hàng Thương mại Hua Nan, Chi nhánh Hà Nội (b)	1.500.000 USD	SIBOR 6 tháng + 1,5%	6.974.562	-
Ngân hàng Thương mại Á Châu, Chi nhánh Hưng Yên (c)	5.000.000 USD	SIBOR 6 tháng + 1,15%	-	44.924.809
			392.916.434	470.894.413
Vay dài hạn đến hạn trả			18.108.972	37.249.639
Tổng			411.025.406	508.144.052

- a. Khoản vay từ Ngân hàng Chinfon, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh phản ánh 2 khoản tín dụng mỗi khoản 3.000.000 Đô la Mỹ. Khoản vay này được bảo đảm bởi Ông Shen Shang Pang, Chủ tịch.
- b. Các khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Chinatrust, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng Thương mại Hua Nan, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng Thương mại Quốc tế Trung Quốc, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng Far East National, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng First Commercial, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng Thương mại Hua Nan, chi nhánh Hà Nội và Ngân hàng Chinfon, chi nhánh Hà Nội được bảo đảm bởi Ông Shen Shang Pang, Chủ tịch.
- c. Các khoản vay từ Ngân hàng Indovina, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng Thương mại Á Châu, chi nhánh Hải Dương và Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam, Chi nhánh Hải Dương không được bảo đảm.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(tiếp theo)

12. Phải trả thương mại

Các khoản phải trả thương mại bao gồm các khoản phải trả cho các bên liên quan sau:

	2008	2007
	VNĐ'000	VNĐ'000
Phải trả Công ty TNHH Dây và Cáp điện Taya Đà Loan	6.504.670	107.312.380

Khoản thương mại phải trả cho Công ty TNHH Dây và Cáp điện Taya Đà Loan không được bảo đảm, không chịu lãi và được trả theo yêu cầu.

13. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	2008	2007
	VNĐ'000	VNĐ'000
Thuế giá trị gia tăng	3.465.812	6.548.642
Thuế nhập khẩu	14.964	10.764
Thuế thu nhập cá nhân	402.644	55.957
	3.883.420	6.615.363

14. Phải trả khác

	2008	2007
	VNĐ'000	VNĐ'000
Bảo hiểm xã hội	1.048	46.958
Bảo hiểm y tế	-	7.082
Ký quỹ ngắn hạn từ nhà cung cấp	-	3.064.148
Phải trả khác	21.026	42.075
	22.074	3.160.263

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(tiếp theo)

15. Vay dài hạn

	Khoản tín dụng	Lãi suất vay trên năm	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
Ngân hàng Indovina, Chi nhánh Đồng Nai (a)	2.741.880 USD	SIBOR 6 tháng +1,15%	25.886.297	34.398.595
Ngân hàng Thương mại Quốc tế Trung Quốc, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	500.000 USD 450.000 USD 350.000 USD	SIBOR 6 tháng + 0,55% SIBOR 6 tháng + 1,25% SIBOR 6 tháng + 1,10%	- - -	510.190 1.866.523 3.759.934
Ngân hàng ANZ, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	1.000.000 USD	SIBOR 3 tháng + 1,30%	4.184.502	11.915.370
Ngân hàng Chinfon, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b)	4.600.000 USD	SIBOR+1,25%	5.354.197	20.714.176
			35.424.996	73.164.788
Hoàn trả trong vòng 12 tháng			(18.108.972)	(37.249.639)
Hoàn trả sau 12 tháng			17.316.024	35.915.149

- a. Khoản vay từ Ngân hàng Indovina, Chi nhánh Đồng Nai được bảo đảm bằng nhà xưởng mới tại trụ sở chính của Công ty tại Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 58.994 triệu VNĐ (2007: 34.766 triệu VNĐ). Khoản vay này được hoàn trả trong 9 kỳ sáu tháng đều nhau bắt đầu từ ngày 8 tháng 5 năm 2007.
- b. Khoản vay từ Ngân hàng Chinfon, Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh được bảo đảm bằng máy móc và thiết bị của chi nhánh của Công ty tại Tỉnh Hải Dương, Việt Nam với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 37.107 triệu VNĐ (2007: 41.797 triệu VNĐ). Các máy móc và thiết bị này cũng được bảo đảm cho khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng này. Khoản vay này được hoàn trả trong 9 kỳ sáu tháng đều nhau bắt đầu từ tháng 12 năm 2007.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(tiếp theo)

- c. Khoản vay từ Ngân hàng ANZ, Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh được bảo đảm bằng máy móc và thiết bị của trụ sở chính của Công ty với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 13.516 triệu VNĐ (2007: 15.169 triệu VNĐ). Khoản vay này được hoàn trả trong 8 quý đều nhau bắt đầu từ ngày 1 tháng 9 năm 2007.

16. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	VNĐ'000
Số dư đầu năm	2.573.403
Dự phòng lập trong năm	1.145.171
Dự phòng sử dụng trong năm	(257.061)
	<hr/>
Số dư cuối năm	3.461.513

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 mươi lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ (hiện tại là 540.000 VNĐ/tháng). Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(tiếp theo)

17. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	2008		2007	
	Số lượng cổ phiếu	VNĐ'000	Số lượng cổ phiếu	VNĐ'000
Vốn cổ phần được duyệt	27.901.377	279.013.771	26.573.548	265.735.481
Cổ phiếu đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	27.901.377	279.013.771	26.573.548	265.735.481
Cổ phiếu ngân quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(9.363)	(272.840)	(9.363)	(272.840)
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	27.892.014	278.740.931	26.564.185	265.462.641

Toàn bộ cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông có quyền ngang nhau khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Đối với những cổ phiếu mà Công ty mua lại, mọi quyền lợi đều bị treo cho đến khi số cổ phiếu đó được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2008		2007	
	Số lượng cổ phiếu	VNĐ'000	Số lượng cổ phiếu	VNĐ'000
Số dư đầu năm	26.564.185	265.462.641	24.151.405	241.382.041
Cổ phiếu đã phát hành trong năm	1.327.829	13.278.290	2.415.140	24.151.400
Mua cổ phiếu ngân quỹ trong năm	-	-	(2.360)	(70.800)
Số dư cuối năm	27.892.014	278.740.931	26.564.185	265.462.641

18. Quỹ và dự trữ

Quỹ và dự trữ được trích từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập cho mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(tiếp theo)

19. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán ghi trên hóa đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2008	2007
	VNĐ'000	VNĐ'000
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	1.186.256.463	1.377.585.548
Các khoản giảm trừ		
▪ Hàng bán bị trả lại	(2.584.926)	(2.365.547)
Doanh thu thuần	<u>1.183.671.537</u>	<u>1.375.220.001</u>

20. Giá vốn hàng bán

	2008	2007
	VNĐ'000	VNĐ'000
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	1.071.365.593	1.285.070.713
▪ Dự phòng hàng tồn kho	126.247.707	(14.162.446)
	<u>1.197.613.300</u>	<u>1.270.908.267</u>

21. Doanh thu hoạt động tài chính

	2008	2007
	VNĐ'000	VNĐ'000
Thu lãi tiền gửi	10.460.920	585.117
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.951.565	3.884.311
	<u>15.412.485</u>	<u>4.469.428</u>

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(tiếp theo)

22. Chi phí hoạt động tài chính

	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
Chi phí lãi vay	28.637.537	38.807.686
Lỗ chênh lệch tỷ giá	47.218.803	4.716.387
	<hr/>	<hr/>
	75.856.340	43.524.073
	<hr/>	<hr/>

23. Thu nhập khác

	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
Thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	85.389	7.444.464
Thu nhập khác	5.735.345	6.936.224
	<hr/>	<hr/>
	5.820.734	14.380.688
	<hr/>	<hr/>

24. Chi phí khác

	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
Lỗ do thanh lý tài sản cố định hữu hình	-	5.228.252
Chi phí khác	3.847	3.147.206
	<hr/>	<hr/>
	3.847	8.375.458
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(tiếp theo)

25. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2008	2007
	VNĐ'000	VNĐ'000
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện tại	1.188.906	1.268.760
Lợi ích thuế hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(6.115.518)	(2.415.427)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>(4.926.612)</u>	<u>(1.146.667)</u>

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2008	2007
	VNĐ'000	VNĐ'000
(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế	(112.931.423)	7.253.619
Thuế theo thuế suất Công ty	(16.939.713)	1.088.043
Chi phí không được khấu trừ thuế	565.165	3.008.537
	<u>(16.374.548)</u>	<u>4.096.580</u>
Ảnh hưởng của miễn thuế	-	(1.559.060)
Ảnh hưởng của giảm thuế	4.926.612	(1.268.760)
Tài sản thuế hoãn lại không được ghi nhận trước đây	-	(2.415.427)
Tài sản thuế hoãn lại không được ghi nhận	6.521.324	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>(4.926.612)</u>	<u>(1.146.667)</u>

Tài sản thuế hoãn lại không được ghi nhận trên lỗ tính thuế bởi vì không chắc chắn rằng Công ty sẽ có lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó để đối trừ.

Lỗ tính thuế hết hạn trong các năm sau:

Năm hết hạn	Tình hình quyết toán thuế	Lỗ tính thuế
		VNĐ'000
2013	Chưa quyết toán	<u>6.521.324</u>

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(tiếp theo)

(c) Thuế suất áp dụng

Trụ sở chính của Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên thu nhập tính thuế. Trụ sở chính được giảm 50% thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2007 và 2008.

Chi nhánh của Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên thu nhập tính thuế cho mỗi kỳ trong 12 năm tính từ ngày thành lập và 25% cho các năm tiếp theo. Công ty cũng được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận (2006) và được giảm 50% cho 4 năm tiếp theo.

Công ty có thể chuyển lỗ tính thuế phát sinh trong năm và bù lỗ cho lãi phát sinh trong những năm tiếp theo cho giai đoạn tối đa là 5 năm.

Việc xác định mức thuế phải trả còn phụ thuộc vào cách diễn giải quy định thuế hiện hành. Tuy nhiên các quy định này cũng có thể bị thay đổi định kỳ và số phải trả thuế cuối cùng còn tùy thuộc vào sự xem xét của cơ quan thuế.

26. (Lỗ)/lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lỗ cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 dựa trên lỗ thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành được thực hiện như sau:

(i) (Lỗ)/lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

	2008	2007
	VND'000	VND'000
(Lỗ)/lợi nhuận thuần trong năm	(108.004.811)	8.400.286
(Lỗ)/lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(108.004.811)	8.400.286

(ii) Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông

	2008	2007
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	26.564.185	24.151.405
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức trong năm 2007	-	2.415.140
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức trong năm 2008	1.327.829	1.327.829
Cổ phiếu được mua lại	-	(2.360)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông tại thời điểm cuối năm	27.892.014	27.892.014

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
 (tiếp theo)

27. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Xác định các bên liên quan

Công ty TNHH Dây và Cáp điện Taya kiểm soát Công ty. Công ty cũng có mối quan hệ giữa bên liên quan với các thành viên hội đồng quản trị và các nhân sự quản lý chủ chốt.

Các giao dịch với các nhân sự quản lý chủ chốt

Tổng tiền thưởng và chiết khấu kinh doanh trả cho các nhân sự quản lý chủ chốt như sau:

	2008	2007
	VNĐ'000	VNĐ'000
Ban Giám đốc	1.324.448	1.347.685
Hội đồng Quản trị	-	827.983
	<hr/>	<hr/>
	1.324.448	2.175.668

Trong năm có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày 31 tháng 12	
	2008	2007	2008	2007
	VNĐ'000	VNĐ'000	VNĐ'000	VNĐ'000
Công ty TNHH Dây và Cáp điện Taya				
Mua nguyên vật liệu	903.116.907	1.071.759.249	6.466.092	107.312.380
Mua tài sản cố định	-	1.628.484	-	-
Phí bản quyền	1.271.727	1.370.026	38.578	-
Bán dây và cáp điện	-	13.929.835	-	-
	<hr/>		<hr/>	

Theo hợp đồng về bản quyền sử dụng nhãn hiệu giữa Công ty và Công ty Taya Đài Loan (công ty mẹ cấp cao nhất), Công ty có quyền sử dụng nhãn hiệu thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH Dây và Cáp Điện Taya. Bù lại, Công ty sẽ trả phí bản quyền bằng 0,1 % trên doanh thu thuần.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(tiếp theo)

28. Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	2008	2007
	VNĐ'000	VNĐ'000
Trong vòng một năm	2.370.837	2.154.305
Từ hai đến năm năm	9.483.311	9.228.338
Trên năm năm	68.237.155	111.926.279
	<hr/>	<hr/>
	80.091.303	123.308.922

Chi phí thuê hàng năm bao gồm phí thuê đất cho trụ sở chính của Công ty ở tỉnh Đồng Nai, Việt Nam với phí thuê hàng năm tối thiểu là 105.247 Đô la Mỹ bao gồm thuế giá trị gia tăng và phí cơ sở hạ tầng hàng năm là 28.445 Đô la Mỹ cho 50 năm bắt đầu từ ngày 7 tháng 9 năm 1992. Phí thuê đất tăng tối đa 15% sau mỗi kỳ 5 năm.

Công ty cũng phải trả phí thuê đất cho chi nhánh của Công ty ở tỉnh Hải Dương. Phí thuê hàng năm là 5.957 Đô la Mỹ từ 8 năm sau khi Chi nhánh bắt đầu hoạt động đến ngày 7 tháng 9 năm 2042.

29. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2008	2007
	VNĐ'000	VNĐ'000
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	960.571.265	1.118.130.230
Chi phí nhân công bao gồm trong chi phí sản xuất	34.562.882	30.143.207
Chi phí khấu hao và phân bổ	37.185.579	31.102.612
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.635.284	26.937.524
Các chi phí khác	26.203.784	60.511.456
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(tiếp theo)

30. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày năm nay như:

	2007 (Phân loại lại) VND'000	2007 (đã báo cáo trước đây) VND'000
Phải trả thương mại	122.869.759	15.557.379
Phải trả nội bộ	-	107.312.380

Người lập:

Người duyệt:

Cheng Yu Mei
Kế toán trưởng

Wang Yen Huang
Tổng Giám đốc